ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

Số: 229/BC-ĐHKTCN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 29 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO

Về việc thực hiện khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp

(Thực hiện theo công văn số 2919/BGDĐT ngày 10 tháng 7 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Đội ngũ cán bộ trực tiếp phụ trách công tác khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp

STT	Họ và tên	Đơn vị	Chức vụ	Điện thoại
1	ThS. Nguyễn Tiến Dũng	Phòng Công tác HSSV	Trưởng phòng	0915.662.707
2	ThS. Ngô Thị Hồng Ánh	Phòng Công tác HSSV	Phó trưởng phòng	0977.599.889
3	CN. Lê Thị Kim Ngân	Phòng Công tác HSSV	Chuyên viên tư vấn TT Tư vấn sinh viên	0988.482.268
4	ThS. Lê thị Đỗ Oanh	Phòng Công tác HSSV	Chuyên viên phòng	0979.753.255
5	KS. Nguyễn Thị Thu Phương	Phòng Công tác HSSV	Chuyên viên tư vấn TT Tư vấn sinh viên	0984.094.259

2. Những công việc đã và đang triển khai

Đầu mỗi năm học, Nhà trường xây dựng kế hoạch khảo sát sinh viên với các đối tượng cụ thể (sinh viên đang học, sinh viên tốt nghiệp và cựu sinh viên), trong đó tập chung chủ yếu vào việc khảo sát về công tác đào tạo, cơ sở vật chất, các dịch vụ hỗ trợ việc học, tập rèn luyện của sinh viên tại Trường, tình trạng việc làm của sinh viên tốt nghiệp và sinh viên sau tốt nghiệp từ 6 đến 12 tháng.

Từ năm 2015, Nhà trường xây dựng hệ thống khảo sát online (http://khaosathssv.tnut.edu.vn/) để việc khảo sát được khách quan, việc tổng hợp và phân tích dữ liệu thuận lợi và chính xác hơn.

Đối với sinh viên đang học khảo sát được thực hiện vào năm thứ 3 hoặc thứ 4 (khảo sát ít nhất 01 lần/ khóa đào tạo).

Đối với sinh viên tốt nghiệp việc khảo sát là bắt buộc trước khi xét tốt nghiệp và nhận hồ sơ ra trường.

Đối với cựu sinh viên tiến hành khảo sát 6 tháng/lần, thực hiện khảo sát từ 6 đến 24 tháng/ khóa tốt nghiệp.

Ngoài hệ thống khảo sát online, Nhà trường thực hiện nhiều các giải pháp khác nhau để nâng cao dữ liệu cập nhật về cựu sinh viên như: Khảo sát qua E-mail, khảo sát bằng phiếu đối với cựu sinh viên về thăm trường trong những dịp đặc biệt, thu thập dữ liệu từ các doanh nghiệp thông qua khảo sát doanh nghiệp, kết quả phối hợp đào tạo, tuyển dụng giữa Nhà trường và doanh nghiệp....

Thường xuyên liên hệ với các hội cựu giáo chức, cựu sinh viên (Hội Cơ điện) trên toàn quốc nhằm tăng cường mối quan hệ giữa các thế hệ sinh viên, tạo cơ hội tìm kiếm việc làm tại các cơ sở sử dụng lao động, đồng thời thu thập dữ liệu về tình trạng việc làm của sinh viên thuộc danh sách các Hội trên toàn quốc./.

Các kế hoạch về kết quả khảo sát được cập nhật 6 tháng 1 lần trên website của Nhà trường.

3. Kết quả thực hiện

- Đối tượng khảo sát: Sinh viên tốt nghiệp năm 2016

- Thời gian khảo sát:

+ Khảo sát sinh viên tốt nghiệp: Thực hiện tại thời điểm sinh viên tốt nghiệp (năm 2016); hình thức khảo sát online

+ Khảo sát sinh viên sau tốt nghiệp: Thực hiện sau 6 đến 12 tháng đối với từng đợt tốt nghiệp (năm 2017); sử dụng nhiều hình thức khác nhau

- Kết quả khảo sát và các thông tin cụ thể, phụ lục 2 và 3 kèm theo công văn này.

4. Khó khăn vướng mắc

Đối với việc khảo sát sinh viên đang học và sinh viên tốt nghiệp về cơ bản đạt tỷ lệ cao (trên 95%) tham gia khảo sát. Tuy nhiên đối với cựu sinh viên việc khảo sát gặp nhiều khó khăn (khoảng 40-50%). Để lấy được bộ dữ liệu về tình trạng việc làm của sinh viên sau 12 tháng tốt nghiệp, Nhà trường phải vận dụng nhiều phương thức khác nhau. Do đó việc tổng hợp, phân tích dữ liệu gặp nhiều khó khăn, có nhiều dữ liệu bị trùng lặp.

5. Dự kiến điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh

Dự kiến điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh, cơ cấu ngành đào tạo, đổi mới nội dung chương trình, phương pháp đào tạo và tăng cường các điều kiện nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm trong các năm tiếp theo... (Sẽ có báo cáo cụ thể trong đề án tuyển sinh 2018 của Nhà trường)

6. Đề xuất kiến nghị

Bộ cần có văn bản quy định rõ trách nhiệm phối hợp giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo với các Bộ liên quan về việc phối hợp cập nhật dữ liệu người lao động mới tuyển dụng, mới tốt nghiệp trong vòng 6 đến 24 tháng. Từ đó hỗ trợ các Nhà trường việc cập nhật cơ sở dữ liệu về cựu sinh viên, đồng thời kiểm tra đối chiếu với dữ liệu báo cáo từ các trường.

Bộ Giáo dục và Đào tạo có quy định và văn bản hướng dẫn chi tiết hoặc xây dựng hệ thống khảo sát tổng thể về hiện trạng sinh viên tốt nghiệp và sinh viên sau tốt nghiệp để các Nhà trường thống nhất và triển khai đồng bộ./.

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

PGS.TS. Trần Xuân Minh

Nơi nhận:
- Bộ GDĐT (để b/c);
- ĐHTN (để b/c);
- Lưu VT, CTHSSV.

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

Phụ lục 3

TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHẢO SÁT TÌNH HÌNH VIỆC LÀM CỦA SINH VIÊN TỐT NGHIỆP NĂM 2016

(Kèm theo công văn số 2919/BGDĐT-GDĐH ngày 10 tháng 07 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Tên người báo cáo: Nguyễn Tiến Dũng Số điện thoại liên hệ: 0915662707 Email: dungnguyentien@tnut.edu.vn

Đường link website công khai báo cáo: http://tnut.edu.vn/public

Năm tốt nghiệp: 2016

Trình độ đào tạo: Đại học chính quy

TT	Ngành đào tạo/ Mã số		Tổng số SVTN	Chia theo giới tính		Tổng số SVTN được khảo sát	Tổng số SV TN được khảo sát có phản	Tình trạng việc làm			Tỷ lệ SVTN có việc làm (%)	Khu vực làm việc			
	Mã ngành	Tên ngành		Nam	Nữ			Số lượng SVTN có việc	Số lượng SVTN chưa có việc làm nhưng	Số lượng SV chưa có việc làm		Khu vực nhà nước	khu vực tư nhân	Liên doanh nước ngoài	Tự tạo việc làm
1		2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	52520103	Cơ điện tử	83	80	3	83	83	76		7	92%	6	29	38	3
2	52520103	Cơ khí chế tạo máy	407	406	1	407	407	373		34	92%	39	127	204	3
3	52520103	Cơ khí động lực	47	47		47	47	44		3	94%	1	14	27	2
4	52520103	Cơ khí luyện kim cán thép	13	13		13	13	12		1	92%	1	4	7	0
5	52510202	Công nghệ gia công cắt gọt	33	33		33	33	31		2	94%	3	10	17	1
6	52510301	Công nghệ kỹ thuật Điện	75	74	1	75	75	71		4	95%	7	25	38	1
7	52510205	Công nghệ ô tô	12	12		12	12	12		0	100%	1	4	7	0
8	52520207	Điện tử Viễn thông	37	25	12	37	37	35		2	95%	6	11	18	0
9	52520201	Hệ thống điện	82	78	4	82	82	77		5	94%	8	24	44	1
10	52510604	Kế toán doanh nghiệp	63	13	50	63	63	56		7	89%	6	30	19	1
11	52520103	Kỹ thuật cơ khí	17	16	1	17	17	15		2	88%	2	5	8	1
12	52520202	Kỹ thuật điện	21	21		21	21	17		4	81%	2	5	9	1
13	52520203	Kỹ thuật Điện tử	75	60	15	75	75	69		6	92%	7	21	39	2

14	52520205	Kỹ thuật điều khiển	102	77	25	102	102	95		7	93%	10	29	56	0
15	52520320	Kỹ thuật Môi trường	39	20	19	39	39	34		5	87%	6	11	17	0
16	52520214	Kỹ thuật phần cứng	18	17	1	18	18	14		4	78%	2	4	7	1
17	52520309	Kỹ thuật vật liệu	4	4		4	4	4		0	100%	0	1	2	0
18	52580201	Kỹ thuật Xây dựng Công trình	129	125	4	129	129	117		12	91%	15	36	64	2
19	52510601	Quản lý công nghiệp	37	20	17	37	37	34		3	92%	3	11	17	3
20	52140214	Sư phạm KT Cơ khí	26	20	6	26	26	25		1	96%	3	8	15	0
21	52140214	Sư phạm KT Điện	17	6	11	17	17	15		2	88%	2	5	8	1
22	52140214	Sư phạm Kỹ thuật Tin học	2	1	1	2	2	2		0	100%	0	1	1	0
23	52520202	Thiết bị điện	16	16		16	16	15		1	94%	2	5	9	0
24	52520103	Thiết kế và chế tạo cơ khí	8	8		8	8	8		0	100%	1	2	5	0
25	52520214	Tin học công nghiệp	10	10		10	10	9		1	90%	1	4	3	1
26	52520216	Tự động hóa Xí nghiệp Công nghiệp	276	238	38	276	276	242		34	88%	28	85	126	3
Tổng cộng			1649	1440	209	1649	1649	1502		147	91%	160	509	806	27

Ghi chú: * Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm được tính là: ((SLSVTN có việc làm(cột 6)+ SL SVTN chưa có việc làm nhưng đang học nâng cao (cột 3)/Tổng số SVTN (cột 3))*100

Thái Nguyên, ngày tháng 12 năm 2017

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

PGS.TS. Trần Xuân Minh